

Bản án số: 07/2018/HNST
Ngày: 17-01-2018
“Về việc tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đoàn Thế Dũng

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Đắc Liệt.

Ông Võ Văn Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Ngát – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- *Đại diện VKSND TP.Vũng Tàu tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 17-01-2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 1024/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2017/QĐSTXX-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/QĐST-HPT ngày 29-12-2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1976 (Có mặt);

Địa chỉ đường N, phường I, TP.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- *Bị đơn:* Ông Văn Thái S, sinh năm 1972 (Vắng mặt);

Địa chỉ đường T, phường T1, TP.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn, bà Trần Thị L khởi kiện bị đơn, ông Văn Thái S yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân, bà L yêu cầu được ly hôn với ông Văn Thái S;

- Về con chung: Bà L và ông S có 01 con gái chung tên là Văn Ngọc Phương T, sinh ngày 18-02-1996 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bà L trình bày, bà và ông S tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường I, TP.Vũng Tàu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nay, vợ chồng sống không hạnh phúc. Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng rạn nứt từ nhiều năm nay. Bà đã có đơn ly hôn nhưng vì thương con, bà rút đơn mong vợ chồng thay đổi vì con nhưng không đạt kết quả. Vợ chồng ly thân mỗi người sống một nơi, không quan tâm nhau từ năm 2015 đến nay. Do đó, bà có đơn khởi kiện ông S yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề trên.

2. Bị đơn ông Văn Thái S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng không có mặt trong suốt quá trình tố tụng.

3. Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

4. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến: Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cơ bản thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa: Về hôn nhân mâu thuẫn giữa bà L và ông S là có thật, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Về con chung, bà L và ông S có 01 con gái chung là Văn Ngọc Phương T đã trưởng thành; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tổng tụng:

Bà Trần Thị L và ông Văn Thái S tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND I, TP.Vũng Tàu. Ông S cư trú, sinh sống tại Vũng Tàu do đó, xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng ông S vẫn vắng mặt xét xử lần 2 nên Tòa án xét xử vắng mặt ông S theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Xét nội dung các yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L và ông Văn Thái S tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND phường I, TP. Vũng Tàu, được UBND phường B cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 91 ngày 12-10-1995 nên hôn nhân là hợp pháp.

Nguyên đơn cho rằng, vợ chồng sống không hạnh phúc. Vợ chồng ly thân mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chia sẻ tình cảm với nhau từ năm 2015 đến nay.

Theo xác minh tại địa phương, bà Trần Thị L không sinh sống với ông S tại nhà đường T, phường T1, TP. Vũng Tàu từ khoảng năm 2014-2015 đến nay. Ly thân, không thấy vợ chồng bà L, ông S gặp nhau.

Xét tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng bà L và ông S là có thật. Mâu thuẫn làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên vợ chồng ly thân nhân nhau từ năm 2015 đến nay, mỗi người sống một nơi không quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của bà L với ông S là hoàn toàn có cơ sở theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Bà L và ông S có 01 con gái chung tên Văn Ngọc Phương T, sinh ngày 18-02-1996 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà L phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2, 3 Điều 36; Điều 39; Khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016

Tuyên xử:

[1]. Về hôn nhân: Bà Trần Thị L được ly hôn với ông Văn Thái S;

[2]. Về con chung: Bà Trần Thị L và ông Văn Thái S có 01 con gái tên Văn Ngọc Phương T, sinh ngày 18-02-1996 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007441 ngày 23-10-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Bà L đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục thi hành án DS TP. Vũng Tàu;
- UBND phường I, TP.Vũng Tàu
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thế Dũng